

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4

Tuần 33 – Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Nối các phép tính có cùng kết quả với nhau

$$\frac{17}{24} \times \frac{15}{34}$$

$$\frac{1}{10} : \frac{5}{8}$$

$$\frac{26}{35} \times \frac{14}{65}$$

$$\frac{5}{28} : \frac{4}{7}$$

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng:

Một hình chữ nhật có diện tích $\frac{4}{5}$ m, chiều rộng là $\frac{3}{4}$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là :

- A. $\frac{27}{10}$ m B. $\frac{27}{20}$ m C. $\frac{109}{60}$ m D. $\frac{109}{30}$ m

Câu 3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một kiện hàng cân nặng 50kg. Một xe tải xếp được 120 kiện hàng. Hỏi số hàng trên xe đó nặng bao nhiêu tạ ?

- A. 6 tạ B. 60 tạ C. 600 tạ D. 50 tạ

Phần II. Tự luận

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

5 yến = ... kg

30kg = ... yến

400kg = ... tạ

5 tạ = ... yến

600 yến = ... tạ

7000kg = ... tấn

5 tấn = ... kg

5 tấn = ... tạ

5 tấn = ... yến

Bài 2. Tính

a) $\frac{5}{7} + \frac{3}{4} - \frac{13}{14}$

b) $\frac{22}{39} : \frac{11}{15} \times \frac{10}{13}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{7}{10}$ m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài $\frac{1}{5}$ m. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài giải

Bài 4. Một xe tải bé chở được 18 bao gạo, mỗi bao nặng 45kg. Một xe tải lớn chở được 56 bao gạo, mỗi bao nặng 60kg. Hỏi xe tải lớn chở được nhiều hơn xe tải bé bao nhiêu tạ gạo ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LỜI GIẢI CHI TIẾT**Phần I****Câu 1.****Phương pháp:**

Tính giá trị các phép nhân, chia hai phân số rồi nối các phép tính có cùng kết quả với nhau.

Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

Muốn chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Cách giải:

Ta có:

$$\frac{17}{24} \times \frac{15}{34} = \frac{17 \times 15}{24 \times 34} = \frac{17 \times 3 \times 5}{3 \times 8 \times 17 \times 2} = \frac{5}{16};$$

$$\frac{26}{35} \times \frac{14}{65} = \frac{26 \times 14}{35 \times 65} = \frac{13 \times 2 \times 7 \times 2}{7 \times 5 \times 13 \times 5} = \frac{4}{25};$$

$$\frac{1}{10} : \frac{5}{8} = \frac{1}{10} \times \frac{8}{5} = \frac{8}{50} = \frac{4}{25};$$

$$\frac{5}{28} : \frac{4}{7} = \frac{5}{28} \times \frac{7}{4} = \frac{5 \times 7}{28 \times 4} = \frac{5 \times 7}{7 \times 4 \times 4} = \frac{5}{16}.$$

Vậy ta nối như sau:

$$\frac{17}{24} \times \frac{15}{34}$$

$$\frac{1}{10} : \frac{5}{8}$$

$$\frac{26}{35} \times \frac{14}{65}$$

$$\frac{5}{28} : \frac{4}{7}$$

Câu 2.

Phương pháp:

- Tính chiều dài hình chữ nhật ta lấy diện tích chia cho chiều rộng.
- Tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng rồi nhân với 2.

Cách giải:

Chiều dài hình chữ nhật đó là:

$$\frac{4}{5} : \frac{3}{4} = \frac{16}{15} \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật đó là:

$$\left(\frac{16}{15} + \frac{3}{4} \right) \times 2 = \frac{109}{30} \text{ (m)}$$

Đáp số: $\frac{109}{30}$ m.

Chọn D.

Câu 3.

Phương pháp:

- Tính cân nặng của 120 kiện hàng ta lấy cân nặng của 1 kiện hàng nhân với 120.

- Đổi kết quả vừa tìm được sang đơn vị tạ, lưu ý ta có 1 tạ = 100kg.

Cách giải:

Số hàng trên xe đó nặng số tạ là:

$$50 \times 120 = 6000 \text{ (kg)}$$

$$6000\text{kg} = 60 \text{ tạ}$$

Đáo số: 60 tạ.

Chọn B.

Phần II.

Bài 1.

Phương pháp:

Áp dụng bảng đơn vị đo khối lượng.

Cách giải:

$$5 \text{ yến} = 50\text{kg}$$

$$30\text{kg} = 3 \text{ yến}$$

$$400\text{kg} = 4 \text{ tạ}$$

$$5 \text{ tạ} = 50 \text{ yến}$$

$$600 \text{ yến} = 60 \text{ tạ}$$

$$7000\text{kg} = 7 \text{ tấn}$$

$$5 \text{ tấn} = 5000\text{kg}$$

$$5 \text{ tấn} = 50 \text{ tạ}$$

$$5 \text{ tấn} = 500 \text{ yến}$$

Bài 2.

Phương pháp:

Biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc chỉ có phép tính nhân, chia thì thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải.

Cách giải:

$$\begin{aligned}
 a) \quad & \frac{5}{7} + \frac{3}{4} - \frac{13}{14} \\
 &= \frac{20}{28} + \frac{21}{28} - \frac{26}{28} \\
 &= \frac{41}{28} - \frac{26}{28} \\
 &= \frac{15}{28}
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 b) \quad & \frac{22}{39} : \frac{11}{15} \times \frac{10}{13} \\
 &= \frac{22}{39} \times \frac{15}{11} \times \frac{10}{13} \\
 &= \frac{30}{39} \times \frac{10}{13} \\
 &= \frac{100}{169}
 \end{aligned}$$

Bài 3.**Phương pháp:**

- Tính chiều rộng của hình chữ nhật ta lấy chiều dài trừ đi $\frac{1}{5}$ m.
- Tính chu vi của hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng rồi nhân với 2.
- Tính diện tích của hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

Cách giải:

Chiều rộng của hình chữ nhật đó là:

$$\frac{7}{10} - \frac{1}{5} = \frac{1}{2} \text{ (m)}$$

Chu vi của hình chữ nhật đó là:

$$\left(\frac{7}{10} + \frac{1}{2} \right) \times 2 = \frac{12}{5} \text{ (m)}$$

Diện tích của hình chữ nhật đó là:

$$\frac{7}{10} \times \frac{1}{2} = \frac{7}{20} \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số : Chu vi : $\frac{12}{5}$ m;

Diện tích : $\frac{7}{20}$ m².

Bài 4.

Phương pháp:

- Tính số gạo mỗi xe tải chở được ta lấy cân nặng của mỗi bao gạo xe đó chở nhân với số bao gạo xe đó chở.
- Tính số gạo xe tải lớn chở được nhiều hơn xe tải bé ta lấy số gạo xe tải lớn chở được trừ đi số gạo xe tải bé chở được.

Cách giải:

Xe tải bé chở được số gạo là:

$$45 \times 18 = 810 \text{ (kg)}$$

Xe tải lớn chở được số gạo là:

$$60 \times 56 = 3360 \text{ (kg)}$$

Xe tải lớn chở được nhiều hơn xe tải bé số gạo là:

$$3360 - 810 = 2550 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 2550kg gạo.